

PHÂN CHIA TÀI SẢN KHI CHẤM DỨT CHUNG SỐNG NHƯ VỢ CHỒNG KHÔNG ĐĂNG KÝ KẾT HÔN: SO SÁNH PHÁP LUẬT CỦA CHLB ĐỨC VÀ CỘNG HÒA PHÁP

TRẦN THỊ KIM QUY*

Khi quan hệ chung sống như vợ chồng không đăng ký kết hôn chấm dứt, phân chia tài sản tích lũy trong thời gian chung sống là vấn đề pháp lý phức tạp, nhất là khi một bên đóng góp chủ yếu bằng lao động nội trợ, chăm sóc gia đình nhưng không có căn cứ tài sản đứng tên. Pháp luật Việt Nam hiện hành chưa có cơ chế phân chia đủ rõ để ghi nhận đầy đủ các dạng đóng góp này. Trên cơ sở so sánh pháp luật của CHLB Đức và Cộng hòa Pháp, bài viết nhận diện những hạn chế của pháp luật Việt Nam và đề xuất hướng hoàn thiện nhằm bảo đảm công bằng tài sản, giảm gánh nặng chứng minh và tăng khả năng bảo vệ bên yếu thế.

Từ khóa: Chung sống thực tế; phân chia tài sản; đóng góp phi tài chính; so sánh pháp luật.

When non-marital cohabitation ends, the division of property accumulated during the period of cohabitation is a complex legal issue, particularly where one party has contributed primarily through housework and family care but has no legal basis for claiming ownership of property held in the other party's name. Current Vietnamese law does not provide a sufficiently clear mechanism for property division that fully recognizes these contributions. By comparing the laws of the French Republic and the Federal Republic of Germany, this article identifies limitations in Vietnamese law. It proposes directions for improvement to ensure fairness in property division, reduce the burden of proof, and better protect the weaker party.

Keywords: Non-marital cohabitation; property division; non-financial contributions; comparative law.

NGÀY NHẬN: 12/6/2026 NGÀY PHẢN BIỆN, ĐÁNH GIÁ: 25/7/2026 NGÀY DUYỆT ĐĂNG: 17/8/2026

Email: tkimquy278@gmail.com

DOI: <https://doi.org/10.59394/qlnn.368.2026.1618>

1. Đặt vấn đề

Quan hệ chung sống như vợ chồng không đăng ký kết hôn ngày càng phổ biến ở Việt Nam, kéo theo nhiều vấn đề pháp lý, đặc biệt là việc phân chia tài sản khi quan hệ chung sống chấm dứt. Điều 14 - 16 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 chủ yếu ghi nhận

nguyên tắc ưu tiên thỏa thuận, trường hợp không có thỏa thuận thì dẫn chiếu đến quy định về sở hữu chung của Bộ luật Dân sự năm 2015. Tuy nhiên, cơ chế này chưa thực sự phù hợp với đặc thù của quan hệ gia đình,

* ThS, Tòa án nhân dân TP. Hồ Chí Minh

nhất là khi sự đóng góp của các bên không chỉ thể hiện bằng thu nhập, tài sản mà còn bằng công việc nội trợ, chăm sóc gia đình. Thực tiễn này đặt ra yêu cầu hoàn thiện cơ chế pháp lý nhằm bảo đảm công bằng và bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của các bên. Trên cơ sở đó, bài viết so sánh pháp luật của CHLB Đức và Pháp về phân chia tài sản khi chấm dứt quan hệ chung sống không đăng ký kết hôn, qua đó, nhận diện những hạn chế của pháp luật Việt Nam và rút ra kinh nghiệm lập pháp, làm cơ sở đề xuất định hướng hoàn thiện pháp luật về phân chia tài sản khi chấm dứt chung sống như vợ chồng không đăng ký kết hôn.

2. Pháp luật của CHLB Đức và Cộng hòa Pháp về tài sản trong quan hệ chung sống như vợ chồng không đăng ký kết hôn

2.1. Pháp luật phân chia tài sản dựa vào nguyên tắc dân sự chung trong khoảng trống lập pháp của CHLB Đức

Bộ luật Dân sự CHLB Đức (viết tắt là BGB) không có chế định và cũng không chủ động điều chỉnh trực tiếp quan hệ chung sống thực tế (quan hệ chung sống ngoài hôn nhân). Pháp luật CHLB Đức xem việc không đăng ký kết hôn là biểu hiện ý chí của các bên muốn giữ quyền tự do đối với tài sản của mình và tòa án không có lý do chính đáng để thay thế ý chí đó bằng các quy tắc mặc định. Hệ quả trực tiếp của lập trường này là toàn bộ việc bảo vệ quyền tài sản cho bên yếu thế trong quan hệ chung sống thực tế được chuyển giao cho tòa án. Tòa án CHLB Đức phải vận dụng các nguyên tắc dân sự chung và án lệ được tích lũy qua nhiều thập kỷ để giải quyết từng vụ việc. Tòa án CHLB Đức qua thực hiện xét xử nhiều vụ án đã hình thành 3 công cụ pháp lý để giải quyết tranh chấp tài sản khi các cặp đôi chung sống không đăng ký kết hôn chấm dứt quan hệ (Nave-Herz, R, 1999; Schwab, D, 2014).

(1) Yêu cầu phân chia tài sản dựa trên quan hệ hợp tác dân sự thực tế. Công cụ này

chủ yếu áp dụng khi hai bên cùng điều hành doanh nghiệp, cùng đầu tư vào bất động sản với mục đích đã xác định, hoặc cùng thực hiện một dự án kinh tế chung có thể xác định được (BGH, XII 189/02; Schwab, 2014).

(2) Yêu cầu bù đắp phần giá trị gia tăng khi quan hệ giữa hai bên không đủ yếu tố cấu thành một quan hệ hôn nhân thực tế, nếu một bên đã có đóng góp đáng kể vào khối tài sản của bên kia, bao gồm cả lao động phi tài chính có thể định lượng được thì bên đó vẫn có thể yêu cầu bù đắp trên cơ sở bên kia không được hưởng lợi từ đóng góp đó mà không có căn cứ pháp lý tương xứng (BGH, XII 189/02; Schwab, 2014).

(3) Yêu cầu hoàn trả do làm giàu không có căn cứ (Điều 812 BGB), chỉ được áp dụng khi cả hai công cụ trên không đáp ứng được yêu cầu của vụ việc. Mức bồi hoàn bị giới hạn ở phần chênh lệch giữa phần làm giàu và phần thiệt hại thực tế, không tạo ra quyền chia phần tài sản trực tiếp. Mỗi vụ tranh chấp đòi hỏi một quá trình kiện tụng riêng biệt, chi phí thuê luật sư và việc phải chứng minh từng khoản đóng góp cụ thể trước tòa. Kết quả của mỗi vụ phụ thuộc vào cách từng thẩm phán đánh giá chứng cứ mà không có quy tắc mặc định nào để các bên dựa vào khi thương lượng hoặc dự đoán trước. Tất cả những điều này đặt người không có nguồn lực tài chính và pháp lý vào thế bất lợi liên tục và đó thường là bên đã đóng góp bằng lao động phi tài chính trong suốt thời gian chung sống.

2.2. Pháp luật bảo vệ tài sản tương ứng với mức độ cam kết pháp lý của Cộng hòa Pháp

Trong phần lớn lịch sử lập pháp, pháp luật Cộng hòa Pháp từ chối can thiệp vào các quan hệ chung sống ngoài hôn nhân. Quan hệ chung sống thực tế không đăng ký (concubinage) từng bị Bộ luật Dân sự Cộng hòa Pháp năm 1804 bỏ ngỏ, dẫn đến hệ quả khi quan hệ chấm dứt về nguyên tắc mỗi bên chỉ giữ tài sản thuộc quyền sở hữu của mình; người không có tên trong giấy tờ về tài

sản rất khó có căn cứ pháp lý để yêu cầu phân chia. Từ cuối thế kỷ XX, trước sự gia tăng nhanh chóng của các cặp đôi chung sống không đăng ký, pháp luật và thực tiễn xét xử Pháp từng bước chuyển sang ghi nhận và bảo vệ quyền lợi kinh tế cho bên yếu thế trong quan hệ chung sống.

Bước chuyển quan trọng là *Luật số 99-944 ngày 15/11/1999 về Hiệp ước Đoàn kết Dân sự* (Pacte civil de solidarité - PACS), được pháp điển hóa tại các Điều 515-1 đến 515-7 *Bộ luật Dân sự* Cộng hòa Pháp (Costa-Neto, J., & Sarmento, 2025). PACS là một hợp đồng được đăng ký giữa hai người thành niên nhằm tổ chức đời sống chung, không phải là hôn nhân nhưng tạo ra mức độ cam kết pháp lý cao hơn so với chung sống không đăng ký. Về tài sản, Điều 515-5-1 thiết lập nguyên tắc, tài sản được tạo lập trong thời gian PACS nếu không có thỏa thuận khác, được suy đoán thuộc sở hữu chung với phần bằng nhau. Đồng thời, Điều 515-4 quy định nghĩa vụ đóng góp vào chi phí chung và hỗ trợ lẫn nhau trong những hoàn cảnh khó khăn. Như vậy, PACS tạo lập một khuôn khổ pháp lý tương đối rõ ràng về quyền và nghĩa vụ tài sản trên cơ sở sự lựa chọn và cam kết của các bên.

Đối với các cặp chung sống không đăng ký PACS nhưng có hoạt động kinh tế chung, Tòa Pháp án đã phát triển qua án lệ Học thuyết quan hệ hợp tác kinh tế thực tế như một công cụ bảo vệ tài sản thay thế (Jean Hauser và Danièle Huet-Weiller, 1993). Học thuyết này bắt nguồn từ Điều 1832 *Bộ luật Dân sự* Cộng hòa Pháp, theo đó, một quan hệ hợp tác có thể được tòa án thừa nhận tư cách pháp lý khi có ba yếu tố: (1) Các bên cùng đóng góp nguồn lực; (2) Có ý chí cùng xây dựng một dự án kinh tế; (3) Cùng hưởng lợi, đồng thời cùng chịu rủi ro từ hoạt động chung. Đáng chú ý, đóng góp không chỉ được hiểu là tiền hoặc tài sản mà còn có thể bao gồm: lao động, kỹ năng và thời gian. Cách tiếp cận này mở ra khả năng bảo vệ người không trực tiếp tạo ra thu nhập nhưng có

đóng góp thực tế vào việc hình thành tài sản.

Học thuyết quan hệ hợp tác kinh tế có hai ưu điểm so với nguyên tắc sở hữu riêng thuần túy. (1) Ghi nhận đóng góp phi tài chính, đặc biệt là lao động, có thể cấu thành đóng góp hợp lệ, từ đó mở ra khả năng bên không có thu nhập tiền mặt vẫn được công nhận là có đóng góp vào tài sản chung. (2) Mỗi quan hệ được xác lập, gánh nặng chứng minh được phân bổ lại: bên đang nắm giữ tài sản phải giải trình nguồn gốc, thay vì bên không có tên trong tài sản phải chứng minh từng khoản đóng góp cụ thể của mình. Tuy nhiên, hai người chung sống và cùng xây dựng cuộc sống không nhất thiết mang ý chí hướng đến một dự án kinh tế có thể xác định theo nghĩa mà Điều 1832 *Bộ luật Dân sự* Cộng hòa Pháp quy định. Tòa Pháp án nhiều lần từ chối công nhận quan hệ chung sống thực tế với lý do chưa được chứng minh đầy đủ, dù các bên đã chia sẻ chi phí sinh hoạt và cùng đầu tư vào bất động sản. Hệ quả là học thuyết này được áp dụng không nhất quán trong thực tiễn xét xử, tạo ra sự thiếu ổn định về cơ sở pháp lý (Hauser & Huet-Weiller, 1993).

Khi cả hai công cụ trên không áp dụng được, pháp luật Cộng hòa Pháp còn dự phòng 2 cơ chế khác, song phạm vi bảo vệ hẹp hơn đáng kể: (1) Làm giàu không có căn cứ được pháp điển hóa tại các Điều 1303 đến 1303 - 4 của *Bộ luật Dân sự* Cộng hòa Pháp (để xác định khoản bồi hoàn, không phải là quyền chia phần tài sản trực tiếp); (2) Trách nhiệm bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng theo Điều 1240 *Bộ luật Dân sự* Cộng hòa Pháp (chỉ phát sinh khi một bên có hành vi sai trái gây thiệt hại cho bên kia và vì vậy không phải là công cụ phân chia tài sản) (Code Civil Điều 1240, 1303, 1303-4).

2.3. Những vấn đề pháp lý cốt lõi về phân chia tài sản trong quan hệ chung sống như vợ chồng không đăng ký kết hôn

CHLB Đức và Cộng hòa Pháp lựa chọn hai hướng tiếp cận khác nhau: Pháp xây

dựng cơ chế bảo vệ theo tầng bậc gắn với mức độ cam kết pháp lý, trong khi đó, CHLB Đức chủ yếu dựa vào các nguyên tắc dân sự chung và án lệ. Tuy nhiên, từ hai mô hình này có thể nhận diện ba vấn đề pháp lý cốt lõi mà pháp luật về phân chia tài sản trong quan hệ chung sống thực tế cần giải quyết (Nave-Herzm 1999) (BGH, XII 189/02; Schwab, 2014).

(1) Mức độ can thiệp của cơ quan lập pháp. Kinh nghiệm của Cộng hòa Pháp cho thấy, đã xác lập quy phạm lập pháp chuyên biệt, nhất là cơ chế suy đoán phần bằng nhau, có thể giúp tăng tính dự đoán và giảm chi phí tranh chấp cho các bên. Trong khi đó, cách tiếp cận dựa vào án lệ của CHLB Đức lại tạo ra sự linh hoạt trong từng vụ việc nhưng lại làm gia tăng tính bất định và phụ thuộc vào phán quyết của Tòa án.

(2) Cơ chế ghi nhận các đóng góp phi tài chính. Đây là vấn đề trung tâm của toàn bộ bài toán phân chia tài sản trong chung sống thực tế, vì đặc điểm phổ biến của quan hệ này là phân công lao động nội bộ: một bên tạo ra thu nhập tiền mặt, bên kia đóng góp bằng lao động gia đình, chăm sóc con cái và hỗ trợ sự nghiệp của người kia. Nếu tiêu chí phân chia tài sản chỉ dựa vào đóng góp tài chính có thể chứng minh bằng chứng cứ thì người đóng góp bằng lao động phi tài chính luôn ở thế thua thiệt và có thể dự đoán trước. Cả Cộng hòa Pháp và CHLB Đức đều nhận ra vấn đề này nhưng giải quyết theo cách khác nhau: Cộng hòa Pháp dùng suy đoán phần bằng nhau để bỏ qua câu hỏi ai đóng góp nhiều hơn, còn ở CHLB Đức ghi nhận lao động phi tài chính là một đóng góp đáng kể trong án lệ, có thể được xem xét khi giải quyết tranh chấp. Đây là điểm đặc biệt cần lưu ý khi xây dựng cơ chế phân chia tài sản công bằng (Nave, 1999; Schwab, 2014).

(3) Chi phí tiếp cận công lý. Ngay cả khi một hệ thống pháp luật có công cụ bảo vệ tài sản trên giấy tờ, công cụ đó chỉ có giá trị thực sự nếu người cần được bảo vệ có khả năng

tiếp cận nó trong thực tế. Kinh nghiệm của Đức cho thấy, khi thiếu quy tắc phân chia mặc định, toàn bộ gánh nặng chứng minh sẽ được đặt lên người yêu cầu bảo vệ và gánh nặng này thường quá lớn đối với người không có nguồn lực tài chính để theo đuổi một vụ kiện tụng kéo dài. Trong khi đó, cơ chế suy đoán phần bằng nhau ở Cộng hòa Pháp giúp giảm gánh nặng chứng minh: bên muốn nhận phần lớn hơn phải chứng minh. Cách tiếp cận này góp phần giảm chi phí tranh chấp và nâng cao khả năng tiếp cận công lý (Cour de cassation, 2010; BGH, XII ZR 189/02; Schwab, 2014).

Nhìn chung, ba vấn đề này có mối liên hệ chặt chẽ với nhau: quy phạm lập pháp chuyên biệt giải quyết vấn đề thứ nhất, đồng thời tạo nền tảng để luật hóa tiêu chí đóng góp phi tài chính (vấn đề thứ hai) và phân bổ lại gánh nặng chứng minh (vấn đề thứ ba). Phó mặc hoàn toàn cho án lệ, như kinh CHLB nghiệm của Đức cho thấy, không giải quyết được cả ba vấn đề một cách nhất quán (Code Civil, Điều 515-5, Điều 515-5-1; Schwab, 2014).

3. Pháp luật Việt Nam về phân chia tài sản khi chấm dứt chung sống thực tế

Pháp luật Việt Nam điều chỉnh quan hệ chung sống như vợ chồng không đăng ký kết hôn theo hai tầng pháp lý:

(1) Tại tầng thứ nhất, Điều 14 *Luật Hôn nhân và gia đình* năm 2014 phân biệt hai nhóm quan hệ chung sống thực tế theo thời điểm. Đối với nhóm phát sinh từ ngày *Luật Hôn nhân và gia đình* năm 1986 có hiệu lực, pháp luật không thừa nhận quan hệ vợ chồng. Hệ quả là khi chấm dứt chung sống, tài sản trước hết được giải quyết theo thỏa thuận của các bên; nếu không có thỏa thuận thì tòa án giải quyết trên cơ sở bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của phụ nữ và con; tài sản chung được giải quyết theo quy định của *Bộ luật Dân sự* năm 2015 về sở hữu chung. Bên cạnh đó, Nghị định số

126/2014/NĐ-CP ngày 31/12/2014 của Chính phủ hướng dẫn thi hành *Luật Hôn nhân và gia đình* năm 2014 không bổ sung tiêu chí phân chia tài sản trong chung sống thực tế mà chủ yếu quy định về thủ tục và thẩm quyền. Việc xác định và phân chia tài sản, vì vậy, được dẫn chiếu sang tầng thứ hai (Nguyễn Văn Cừ & Trần Thị Huệ, 2017).

(2) Tại tầng thứ hai, từ Điều 207 - 220 *Bộ luật Dân sự* năm 2015 quy định về sở hữu chung, trong đó Điều 209 quy định sở hữu chung theo phần là hình thức sở hữu mà phần quyền của mỗi chủ sở hữu được xác định cụ thể đối với tài sản chung. Tuy nhiên, quy định này Điều 209 chỉ xác lập nguyên tắc về phần quyền tương ứng với đóng góp, không có suy đoán bổ sung khi đóng góp không được chứng minh. Điểm cần lưu ý là *Bộ luật Dân sự* năm 2015 không có quy tắc mặc định nào về việc phân chia bằng nhau khi không xác định được phần đóng góp của mỗi bên trong trường hợp sở hữu chung theo phần. Trong thực tế, tài sản thường đứng tên một bên và được mua bằng thu nhập của bên đó; do đó, phần quyền trên giấy tờ thường có thể xác định được theo nghĩa hình thức. Hệ quả là bên không có tên trong giấy tờ tài sản phải chủ động chứng minh mình có đóng góp vào tài sản đó mà không có bất kỳ quy tắc mặc định nào hỗ trợ.

Đặt cơ cấu pháp lý này vào ba vấn đề đã được nhận diện trước đó, có thể thấy rõ những điểm chưa tương thích giữa khung pháp lý hiện hành và bản chất của quan hệ chung sống thực tế.

Thứ nhất, thiếu cơ chế phân chia tài sản phù hợp với đặc thù của quan hệ chung sống thực tế. Mặc dù *Luật Hôn nhân và gia đình* năm 2014 có quy định chuyên biệt (từ Điều 14 - 16), các quy định này chủ yếu dừng ở nguyên tắc thỏa thuận và dẫn chiếu sang *Bộ luật Dân sự* mà không cung cấp bất kỳ tiêu chí thực chất nào để tòa án phân chia tài sản khi không có. Trong khi đó, quan hệ chung sống thực tế có đặc điểm là tài sản được hình

thành từ nhiều dạng đóng góp đan xen trong thời gian dài, bao gồm cả đóng góp tài chính và phi tài chính. Việc áp dụng cơ chế sở hữu chung theo phần vì vậy chưa phản ánh đầy đủ đặc điểm của quan hệ này (Nguyễn Văn Cừ & Trần Thị Huệ, 2017).

Thứ hai, chưa ghi nhận đầy đủ giá trị của đóng góp phi tài chính. Khi xác định phần quyền sở hữu chủ yếu dựa vào đóng góp tài chính có thể chứng minh, người trực tiếp tạo thu nhập thường có lợi thế hơn người đảm nhận công việc nội trợ, chăm sóc con cái và hỗ trợ gia đình. Trong khi đó, những công việc này có giá trị kinh tế và góp phần tạo điều kiện để bên kia tạo thu nhập, tích lũy tài sản nhưng chưa được pháp luật quy định rõ là căn cứ xác định phần quyền sở hữu khi phân chia tài sản.

Thứ ba, gánh nặng chứng minh chưa được phân bổ hợp lý. Do thiếu tiêu chí phân chia cụ thể và cơ chế suy đoán phần quyền, bên không đứng tên tài sản thường phải chứng minh sự đóng góp của mình để được công nhận quyền lợi. Điều này đặc biệt bất lợi đối với người đóng góp chủ yếu bằng lao động phi tài chính, bởi những đóng góp này thường khó lượng hóa và khó chứng minh bằng chứng cứ vật chất. Cụ thể: Điều 209 *Bộ luật Dân sự* năm 2015 chỉ xác lập nguyên tắc phần quyền tương ứng với đóng góp mà không có quy tắc phân bổ mặc định khi đóng góp không được chứng minh và thực tiễn xét xử cũng chưa hình thành hướng xử lý thống nhất để khắc phục khoảng trống này.

4. Một số giải pháp

Một là, bổ sung suy đoán phần bằng nhau làm quy tắc mặc định trong *Luật Hôn nhân và gia đình* năm 2014. Khi quan hệ chung sống thực tế chấm dứt mà các bên không có thỏa thuận về tài sản, tài sản được hình thành trong thời gian chung sống nên được suy đoán thuộc sở hữu chung theo phần bằng nhau. Bên yêu cầu được hưởng phần lớn hơn phải chứng minh mức độ đóng

góp của mình vào việc tạo lập, duy trì hoặc phát triển tài sản, bao gồm cả đóng góp tài chính và phi tài chính. Cơ chế này vừa giảm gánh nặng chứng minh cho bên không có tên trong tài sản, vừa thừa nhận về mặt pháp lý rằng tài sản trong quan hệ chung sống thực tế có thể được hình thành từ nhiều dạng đóng góp, không chỉ từ thu nhập trực tiếp. Suy đoán phân bằng nhau không phải là kết quả phân chia tuyệt đối mà chỉ là điểm xuất phát, qua đó vẫn bảo đảm quyền yêu cầu phần lớn hơn của bên chứng minh được mức đóng góp vượt trội.

Hai là, luật hóa các tiêu chí ghi nhận đóng góp phi tài chính. Suy đoán phân bằng nhau giải quyết được vấn đề gánh nặng chứng minh, nhưng chưa đủ để bảo đảm quyền lợi của bên có đóng góp phi tài chính lớn hơn. Ngay cả khi điểm xuất phát là phân bằng nhau, nếu bên có đóng góp phi tài chính lớn hơn đáng kể muốn được ghi nhận phần lớn hơn, họ vẫn cần có công cụ pháp lý để chứng minh điều đó. Vì vậy, cần bổ sung vào cùng điều khoản trên một khoản quy định rõ các hình thức đóng góp phi tài chính được tính đến khi xác định phần tài sản của mỗi bên, bao gồm: lao động nội trợ và quản lý gia đình; chăm sóc con chung, con riêng và người thân trong gia đình; hỗ trợ sự nghiệp, hoạt động kinh doanh hoặc phát triển chuyên môn của bên kia. (Hauser & Huet-Weiller, 1993; BGH, XII ZR 189/02; Thi Phuong Diep & Dang, H. M., 2026). Đây cần được xác định là những đóng góp có giá trị trong việc tạo lập, duy trì và phát triển tài sản chung được Tòa án xem xét cùng với các đóng góp tài chính và các yếu tố liên quan khác khi xác định phần tài sản của mỗi bên.

Ba là, bổ sung cơ chế bù đắp chênh lệch về điều kiện kinh tế. Theo đó, cần bổ sung vào Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 cơ chế cho phép tòa án xem xét một khoản bù đắp có thời hạn nhằm tạo điều kiện cho bên yếu thế ổn định lại cuộc sống và khôi phục khả năng tự lập kinh tế. Mức và thời hạn bù đắp

cần được xác định căn cứ vào mức độ chênh lệch về điều kiện kinh tế, thời gian chung sống, mức độ đóng góp của mỗi bên và khả năng tự lập của bên yếu cầu; đồng thời, có thể điều chỉnh khi hoàn cảnh thay đổi. Đây không phải là cấp dưỡng sau khi chấm dứt hôn nhân mà là cơ chế bù đắp nhằm khắc phục sự bất cân xứng về kinh tế phát sinh từ sự phân công lao động mà các bên đã cùng lựa chọn trong thời gian chung sống □

Tài liệu tham khảo:

- Bộ luật Dân sự Đức (Bürgerliches Gesetzbuch -BGB).
 Bộ luật Dân sự Pháp (Code civil) năm 1804 (bao gồm các bản sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 99-944 ngày 15/11/1999 và Pháp lệnh số 2016-131 ngày 10/02/2016).
 Bundesgerichtshof (BGH) (2005). *Urteil vom 28. September 2005*, XII ZR 189/02, BGHZ 165, 1.
 Costa-Neto, J., & Sarmento, J. G. (2025). *From Roman marriage to unmarried unions*. *Rabels Zeitschrift für ausländisches und internationales Privatrecht/The Rabel Journal of Comparative and International Private Law*, (4), 648-682.
 Cour de cassation. (2000). *Civ. 1re, 17 octobre 2000* Bull. civ. I, n° 248.
 Cour de cassation. (2004). *Civ. 1re, 12 mai 2004*. Bull. civ. I, n° 130.
 Cour de cassation. (2010). *Civ. 1re, 20 janvier 2010*, n° 08-13.401.
 Hauser, J., & Huet-Weiller, D. (1993). *Traité de droit civil: La famille*. LGDJ.
 Nave-Herz, R. (1999). *Die nichteheliche Lebensgemeinschaft als Beispiel gesellschaftlicher Differenzierung*. In *Nichteheliche Lebensgemeinschaften: Analysen zum Wandel partnerschaftlicher Lebensformen* (pp. 37-59). VS Verlag für Sozialwissenschaften.
 Nguyễn Văn Cừ & Trần Thị Huệ (2017). *Bình luận khoa học về Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014*. Nxb Công an nhân dân.
 Quốc hội (2014). *Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014*.
 Quốc hội (2015). *Bộ luật Dân sự năm 2015*.
 Schwab, D. (2014). *Familienrecht* (Ấn bản lần thứ 22). C.H. Beck.
 Thi Phuong Diep, D., & Dang, H. M. (2026). *From the limits of sympathy to a feminist reconceptualization of justice in marital property division*. *Griffith Law Review*, 35(1), 21-44.